

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
HYDRO POWER JOINT STOCK
COMPANY - POWER NO.3

Số: 133-VB/PC3HP.Co-NV
No.: 133-VB/PC3HP.Co-NV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Đăk Nông, ngày 11 tháng 03 năm 2025
DakNong, Mar 11., 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To:

- Vietnam Exchange;
- Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3/
Hydro Power Joint Stock Company - Power No.3

- Mã chứng khoán / Stock code: DRL

- Địa chỉ/Address: Thôn Nhà Đèn, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông / Nha
Den Village, Ea Po Commune, Cu Jut District, Dak Nong Province.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02613 684 888; Fax: 02613 684 666

- E-mail: thuydiendl3@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

2.1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (Bản tiếng Việt và bản tiếng Anh).

2.1. Audited financial statements 2024 (Vietnamese version and English version).

**2.2. Văn bản giải trình các nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính kiểm
toán năm 2024.**

2.2. Explanatory document on contents related to the 2024 Audited Financial
Report.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào
ngày 11/03/2025 tại đường dẫn <http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong> /This
information was published on the company's website on 11/03/2025, as in the link:
<http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify
that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to
the law.

**Tài liệu đính kèm/Attached
documents:**

- Báo cáo tài chính;
- Financial statements;
- Văn bản giải trình.
- Document explaining.

Đại diện tổ chức

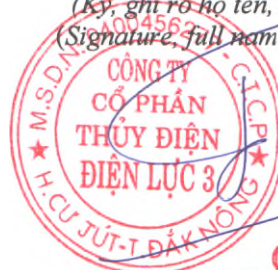
Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lưu Văn Thuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thành	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng ban
Ông Lê Đức Ngọc	Thành viên
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Thanh Sơn	Giám đốc
Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Phan Thanh Sơn, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phan Thanh Sơn

Giám đốc

Đắk Nông, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Số: 44/2025/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 03 năm 2025 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Như Phương

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Lê Văn Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.888.375.983	96.051.847.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.278.875.769	2.290.921.116
1. Tiền	111		128.875.769	290.921.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.150.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		69.600.000.000	64.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	69.600.000.000	64.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.792.667.228	28.491.303.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	11.437.310.244	24.305.483.845
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.816.215.385	4.653.678.040
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	795.026.856	859.957.134
1. Hàng tồn kho	141		795.026.856	859.957.134
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		421.806.130	209.666.133
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	421.806.130	209.666.133
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.364.765.241	38.300.721.938
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.853.487.147	37.157.479.788
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	36.853.487.147	37.128.858.402
Nguyên giá	222		159.888.973.928	157.843.956.201
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.035.486.781)	(120.715.097.799)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	-	28.621.386
Nguyên giá	228		234.818.182	234.818.182
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(234.818.182)	(206.196.796)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.466.667	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	63.466.667	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.447.811.427	1.143.242.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.447.811.427	1.143.242.150
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		127.253.141.224	134.352.569.805

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.840.213.707	17.030.366.826
I. Nợ ngắn hạn	310		13.840.213.707	17.030.366.826
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	70.436.914	10.484.727
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	6.969.170.542	7.652.280.695
3. Phải trả người lao động	314		2.869.902.941	4.873.752.734
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	289.960.992	257.692.932
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	1.719.886.874	1.771.559.834
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.920.855.444	2.464.595.904
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.412.927.517	117.322.202.979
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	113.412.927.517	117.322.202.979
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.412.927.517	17.169.910.780
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		69.910.780	630.161.437
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.343.016.737	16.539.749.343
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		127.253.141.224	134.352.569.805

**Phan Thanh Sơn**
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Sen
Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thuỳ Dung**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

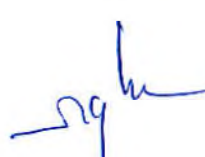
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	91.341.413.148	105.424.330.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.341.413.148	105.424.330.891
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	31.932.945.087	31.471.751.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.408.468.061	73.952.579.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.441.834.966	5.344.988.541
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	6.723.135.570	6.676.398.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.127.167.457	72.621.169.776
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.127.167.457	72.621.169.776
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	11.364.740.423	14.591.612.810
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.762.427.034	58.029.556.966
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.5	4.388	5.741
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.6	4.388	5.741

**Phan Thanh Sơn**
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 06 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Thị Sen
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thuý Dung
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		103.256.388.704	94.244.570.090
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.930.063.043)	(4.377.593.069)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.123.916.891)	(15.078.201.917)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(12.251.612.810)	(14.744.258.987)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.653.520.732	8.512.510.855
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.671.310.077)	(28.906.830.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.933.006.615	39.650.196.262
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.102.920.394)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(61.500.000.000)	(70.200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		56.100.000.000	71.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.199.798.592	3.798.922.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.303.121.802)	4.598.922.724
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.641.930.160)	(53.221.976.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.641.930.160)	(53.221.976.992)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.987.954.653	(8.972.858.006)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.290.921.116	11.263.779.122
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		4.278.875.769	2.290.921.116

**Phan Thanh Sơn****Giám đốc**

Đắk Nông, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Sen**Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thuý Dung****Người lập**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 23 tháng 04 năm 2021 với mã số doanh nghiệp 0400456277 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ – SGDHCM ngày 30 tháng 03 năm 2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11 tháng 04 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 95.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 32 (31/12/2023: 35).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống điện: Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng các dự án điện; Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có đủ điều kiện đã cấp ở trên).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2024</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. Thuê tài sản***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và các chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là tiền dịch vụ môi trường rừng. Cơ sở ước tính dựa vào sản lượng điện đã phát (kWh) và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng (36đ/kWh).

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ và từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 theo quy định tại Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

Thuế nhập khẩu

Theo chứng nhận đầu tư số 63121000107 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/06/2012, Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất điện năng và một khu vực địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	37.175.497	58.211.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	91.700.272	232.709.154
Các khoản tương đương tiền	4.150.000.000	2.000.000.000
Cộng	4.278.875.769	2.290.921.116

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	69.600.000.000	69.600.000.000	64.200.000.000	64.200.000.000
Cộng	69.600.000.000	69.600.000.000	64.200.000.000	64.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	11.437.310.244	24.305.483.845
Cộng	11.437.310.244	24.305.483.845
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	11.437.310.244	24.305.483.845

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.137.427.397	-	3.895.391.023	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	189.797.587	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Phải thu khác	21.132.000	-	290.428.616	-
Cộng	2.816.215.385	467.858.401	4.653.678.040	467.858.401
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 6	-	-	73.890.000	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	467.858.401	-	467.858.401	-
Cộng	467.858.401	-	467.858.401	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Trung	467.858.401	-	Trên 3 năm	467.858.401	-	Trên 3 năm
Cộng	467.858.401	-		467.858.401	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	795.026.856	-	859.957.134	-
Cộng	795.026.856	-	859.957.134	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	99.102.259	-
Chi phí bảo hiểm	39.738.315	40.145.065
Chi phí quan trắc chuyển vị đập thủy điện	186.315.556	137.361.068
Chi phí trả trước khác	96.650.000	32.160.000
Cộng	421.806.130	209.666.133
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	259.738.583	473.348.714
Chi phí tư vấn hồ sơ giá hạn giấy phép khai thác sử dụng nước mặt	520.613.067	-
Chi phí sửa chữa	154.444.441	386.111.109
Chi phí trả trước khác	513.015.336	283.782.327
Cộng	1.447.811.427	1.143.242.150

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	53.616.152.768	87.716.797.945	15.170.285.726	1.340.719.762	157.843.956.201
Mua trong năm	-	-	1.141.434.091	903.583.636	2.045.017.727
Tại ngày 31/12/2024	53.616.152.768	87.716.797.945	16.311.719.817	2.244.303.398	159.888.973.928
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	23.641.530.889	86.552.404.465	9.351.068.087	1.170.094.358	120.715.097.799
Khấu hao trong năm	1.449.853.608	252.631.500	523.304.720	94.599.154	2.320.388.982
Tại ngày 31/12/2024	25.091.384.497	86.805.035.965	9.874.372.807	1.264.693.512	123.035.486.781
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	29.974.621.879	1.164.393.480	5.819.217.639	170.625.404	37.128.858.402
Tại ngày 31/12/2024	28.524.768.271	911.761.980	6.437.347.010	979.609.886	36.853.487.147

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm 91.864.323.827 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	203.000.000	31.818.182	234.818.182
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	203.000.000	31.818.182	234.818.182
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	179.387.043	26.809.753	206.196.796
Khấu hao trong năm	23.612.957	5.008.429	28.621.386
Tại ngày 31/12/2024	203.000.000	31.818.182	234.818.182
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	23.612.957	5.008.429	28.621.386
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-

Không có TSCĐ vô hình thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 234.818.182 VND.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công trình xây dựng nhà ăn, nhà nghỉ ca cho công nhân NMTĐ Drây H'Linh 2	18.466.667	-
Dự án khác	45.000.000	-
Cộng	63.466.667	-

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Công nghệ Thủy điện	19.440.000	19.440.000	-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ Môi trường Bách Khoa	15.007.680	15.007.680	-	-
Công ty Điện lực Đắk Lắk	17.309.531	17.309.531	9.388.363	9.388.363
Các nhà cung cấp khác	18.679.703	18.679.703	1.096.364	1.096.364
Cộng	70.436.914	70.436.914	10.484.727	10.484.727

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	730.691.088	7.312.063.348	7.334.504.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.104.740.423	11.364.740.423	12.251.612.810
Thuế thu nhập cá nhân	280.662.082	3.298.089.843	3.206.719.119
Thuế tài nguyên	846.974.387	7.703.660.770	7.574.930.252
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	33.317.222	33.317.222
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000
Các khoản phí và lệ phí	6.102.562	947.615.162	941.512.600
Cộng	6.969.170.542	30.662.486.768	31.345.596.921

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền dịch vụ môi trường rừng	289.960.992	257.692.932
Cộng	289.960.992	257.692.932

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.657.581.674	1.699.511.834
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.305.200	72.048.000
Cộng	1.719.886.874	1.771.559.834

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	15.830.161.436	115.982.453.635
Lãi trong năm trước	-	-	-	58.029.556.966	58.029.556.966
Điều chỉnh trích quỹ KTPL năm 2022	-	-	-	1	1
Tạm trích quỹ KTPL năm 2023	-	-	-	(3.489.807.623)	(3.489.807.623)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(15.200.000.000)	(15.200.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	17.169.910.780	117.322.202.979
Lãi trong năm nay	-	-	-	44.762.427.034	44.762.427.034
Tạm trích quỹ KTPL năm 2024 (*)	-	-	-	(3.071.702.496)	(3.071.702.496)
Hoàn nhập vốn khác của chủ sở hữu (**)	-	(1.462.308.448)	-	1.462.308.448	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	(3.689.983.751)	3.689.983.751	-
Chia cổ tức năm 2023 (***)	-	-	-	(17.100.000.000)	(17.100.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024(****)	-	-	-	(28.500.000.000)	(28.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	95.000.000.000	-	-	18.412.927.517	113.412.927.517

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 theo kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 22-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024 và theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 07 - QĐ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 03/03/2025.
- (**) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 22-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024 thông qua việc hoàn nhập Vốn khác của chủ sở hữu và Quỹ đầu tư phát triển (được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của các năm trước đây) vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.
- (***) Công ty chia cổ tức còn lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 22-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 10/04/2024.
- (****) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 22-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024, Nghị quyết HĐQT số 40-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 07/08/2024 và Nghị quyết HĐQT số 50-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 12/11/2024.

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp đầu năm	95.000.000.000	95.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	95.000.000.000	95.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	44.762.427.034	58.029.556.966
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.071.702.496	3.489.807.623
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.690.724.538	54.539.749.343
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.388	5.741

4.15.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	44.762.427.034	58.029.556.966
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.071.702.496	3.489.807.623
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	41.690.724.538	54.539.749.343
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.500.000	9.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.388	5.741

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi là số tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 22-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024 và theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 07 - QĐ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 03/03/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 22–NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 bằng với số Công ty đã tạm tính trong năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản / lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 không thay đổi so với số đã trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2023.

4.15.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 22–NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 10/04/2024, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 58% trên vốn điều lệ (tương ứng 55.100.000.000 VND). Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2023 là 40% (tương ứng 38.000.000.000 VND).

Ngày 10/04/2024, Hội đồng quản trị đã quyết định chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 18% (tương ứng 17.100.000.000 VND) theo Nghị quyết số 23-NQ/PC3HP.Co-HĐQT. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 06/05/2024 và thực hiện chi trả từ ngày 17/05/2024.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40 – NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 07/08/2024, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 20% (tương ứng 19.000.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 30/08/2024 và thực hiện chi trả từ ngày 25/09/2024.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50 – NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 12/11/2024, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 10% (tương ứng 9.500.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 29/11/2024 và thực hiện chi trả từ ngày 20/12/2024.

4.15.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2024	3.689.983.751
Trích trong năm	-
Hoàn nhập trong năm	3.689.983.751
Tại ngày 31/12/2024	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	91.341.413.148	105.424.330.891
Cộng	91.341.413.148	105.424.330.891
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan - Xem thêm mục 6	91.341.413.148	105.424.330.891

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	31.932.945.087	31.471.751.637
Cộng	31.932.945.087	31.471.751.637

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	3.441.834.966	5.344.988.541
Cộng	3.441.834.966	5.344.988.541

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.982.968.648	3.222.425.198
Chi phí vật liệu quản lý	604.994.927	500.420.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	283.548.348	236.016.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	959.879.981	865.671.664
Chi phí bằng tiền khác	1.891.743.666	1.851.864.106
Cộng	6.723.135.570	6.676.398.019

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.398.467.081	904.554.763
Chi phí nhân công	16.163.138.013	18.056.157.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.349.010.368	2.350.668.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.964.651.469	5.660.122.600
Chi phí khác bằng tiền	13.780.813.726	11.176.646.026
Cộng	38.656.080.657	38.148.149.656

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	56.127.167.457	72.621.169.776
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	329.352.837	336.894.273
- Chi phí không hợp lệ	84.285.717	77.521.473
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	245.067.120	259.372.800
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	56.456.520.294	72.958.064.049
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	11.364.740.423	14.591.612.810
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.291.304.059	14.591.612.810
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	73.436.364	-

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty đầu tư
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	11.437.310.244	24.305.483.845
Cộng - Xem thêm mục 4.3	11.437.310.244	24.305.483.845
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	73.890.000
Cộng - Xem thêm mục 4.4	-	73.890.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	91.341.413.148	105.424.330.891
Cộng - Xem thêm mục 5.1	91.341.413.148	105.424.330.891
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	13.872.000.000	16.184.000.000
Cộng	13.872.000.000	16.184.000.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lưu Văn Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Lê Kim Hùng	Thành viên	-	28.819.200
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	81.689.040	86.457.600
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	81.689.040	86.457.600
Ông Nguyễn Thành	Thành viên	81.689.040	57.638.400
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	-	-
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng ban kiểm soát	-	28.819.200
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên BKS	81.689.040	86.457.600
Ông Lê Đức Ngọc	Thành viên BKS	81.689.040	57.638.400

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Phan Thanh Sơn	Giám đốc / TV HĐQT	461.743.440	503.325.866
Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	408.459.360	455.301.955
Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	-	295.512.421
Ông Lưu Văn Thuận	Chủ tịch HĐQT	479.500.080	267.831.600
Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban kiểm soát	-	145.521.600
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Trưởng ban kiểm soát	426.230.160	305.572.800
Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên BKS	-	-
Ông Lê Đức Ngọc	Thành viên BKS	-	-
Bà Trịnh Chu Khánh Nhiên	Kế toán trưởng	310.788.400	394.704.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 04 tháng 06 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc cho thuê đất diện tích 220.352 m2, thời hạn thuê 50 năm để xây dựng nhà máy Thủy điện Drây Hlinh 2 với số tiền thuê trả tiền hàng năm.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	33.317.222	47.596.032
Cộng	33.317.222	47.596.032

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phan Thanh Sơn
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Sen
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuỳ Dung
Người lập